

Số: 94/2019/QĐST-HNGĐ

T, ngày 31 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 100/2019/TLST-HNGĐ ngày 26/4/2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Phùng Thị M SN 1992

Bị đơn: Anh Hà Văn C SN 1987

Cùng địa chỉ: Xóm T1, xã TS, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 4 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24/5/2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24/5/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phùng Thị M và anh Hà Văn C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về con chung:* Hai đều xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Hà Đức M – Sinh ngày 18/10/2014. Khi ly hôn hai bên thỏa thuận anh C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu M đến khi thành niên. Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Cường cho cháu M. Vì anh C tự nguyện không yêu cầu.

2.2. *Về tài sản chung, riêng:* Cả hai đều xác nhận không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. *Về công nợ, công sức đóng góp:* Cả hai đều xác nhận vợ chồng không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. *Về án phí ly hôn sơ thẩm:* Chị M được miễn nộp tạm ứng án phí. Nay không phải chịu án phí. Anh C phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- CC.THADS huyện T;
- UBND xã TS (vào sổ hộ tịch);
- Các bên đương sự;
- Lưu: HS, VP.

THẨM PHÁN

Phạm Tuấn Anh